TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST
Ngày 30-9-2022
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thu Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Tuyết Nga

Ông Nguyễn Xuân Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huệ - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Luyến - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2022, về việc: *"Ly hôn"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Mỹ H – sinh năm 1995; cư trú tại xóm C, thôn V, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Bị đơn:* Ông Nguyen, Hao T – sinh năm 1966.

Địa chỉ: Số 9170 - S – W– C – USA.

(Bà Trần Thị Mỹ H và ông Nguyen, Hao T có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/4/2021, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 19/4/2022 và các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, nguyên đơn là bà Trần Thị Mỹ H trình bày:*

Bà và ông Nguyen, Hao T tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện B, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 17/10/2018. Sau khi kết hôn, ông T về Hoa Kỳ sinh sống, còn bà sinh sống tại Việt Nam. Một năm, ông T về thăm bà một đến hai lần, mỗi lần có khi 01 tuần, có khi 01 tháng.

Từ khi dịch bệnh Covid-19 đến nay, ông T không về Việt Nam và cũng không liên lạc với bà. Quá trình chung sống, bà và ông T bất đồng quan điểm về lối sống, công việc của nhau, thường xuyên cãi nhau, không thể hàn gắn được và khoảng cách giữa hai người quá xa, không có điều kiện quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay, bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

** Tại Đơn trình bày ý kiến đề ngày 25/7/2022, bị đơn là ông Nguyen, Hao T trình bày:* Ông thống nhất với trình bày của bà Trần Thị Mỹ H về quan hệ hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn. Nay, bà H yêu cầu ly hôn, ông đồng ý.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo qui định tại Điều 26, 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37, 68, 80, 71, 98, 105, 191, 196, khoản 2 Điều 220, Điều 474, 476 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về thủ tục nhận và xử lý đơn khởi kiện, thẩm quyền thụ lý giải quyết, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, chuyển giao hồ sơ văn bản đến Viện kiểm sát, tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử.

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 28, 37, 38, 147, 153, 273, 464, 476, 479 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 19, 51, 53, 56, 88 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Mỹ H về việc ly hôn với ông Nguyen, Hao T. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn trình bày không có, nên không xem xét. Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và chi phí tố tụng khác theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Trần Thị Mỹ H và ông Nguyen, Hao T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228, điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Mỹ H và ông Nguyen, Hao T có đăng ký kết hôn tại UBND huyện B, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 17/10/2018, nên hôn nhân của bà Trần Thị Mỹ H và ông Nguyen, Hao T là hợp pháp.

Bà Trần Thị Mỹ H và ông Nguyen, Hao T đều thừa nhận sau khi kết hôn, do đặc thù công việc nên bà H sinh sống ở Việt Nam, còn ông Nguyen, Hao T sinh sống tại Hoa Kỳ, thỉnh thoảng vợ chồng mới gặp nhau được vài ngày rồi xa nhau, nên không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, chia sẻ với nhau những khó khăn trong cuộc sống, tình cảm ngày càng phai nhạt và vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Nay, bà H và ông Nguyen, Hao T đều xác định không còn tình cảm với nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên bà H yêu cầu được ly hôn, ông Nguyen, Hao T đồng ý. Để tạo điều kiện cho cả hai ổn định cuộc sống mới, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H được ly hôn với ông Nguyen, Hao T.

[2.2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà H và ông Nguyen, Hao T đều xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về án phí: Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về quan hệ hôn nhân, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai số 0002300 ngày 09/5/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

[2.4] Về chi phí tố tụng khác: Bà H phải chịu 200.000 đồng lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp theo Biên lai số 0003207 ngày 26/5/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi; chi phí dịch thuật là 450.000 đồng; chi phí ủy thác tư pháp là 95 USD và 769.400 đồng, bà H tự nguyện chịu. Bà H đã nộp và chi phí xong.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153, khoản 1 Điều 227, 228, Điều 235, 266, 271, khoản 1 Điều 273, điểm a khoản 5 Điều 477, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 122, 123, 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Mỹ H được ly hôn ông Nguyen, Hao T.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị Mỹ H và ông Nguyen, Hao T trình bày là không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí: Bà Trần Thị Mỹ H phải chịu 300.000 đồng *(ba trăm ngàn)* án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ

thẩm đã nộp là 300.000 đồng *(ba trăm ngàn)* theo Biên lai số 0002300 ngày 09/5/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi. Bà Trần Thị Mỹ H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về chi phí tố tụng khác: Bà Trần Thị Mỹ H phải chịu 200.000 đồng *(hai trăm ngàn)* lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp theo Biên lai số 0003207 ngày 26/5/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi; chi phí dịch thuật là 450.000 đồng *(bốn trăm năm mươi ngàn)*; chi phí ủy thác tư pháp là 95 đô *(chín mươi lăm)* và 769.400 đồng *(bảy trăm sáu mươi chín ngàn, bốn trăm)*, bà Trần Thị Mỹ H tự nguyện chịu. Bà Trần Thị Mỹ H đã nộp và chi phí xong.

Bà Trần Thị Mỹ H và ông Nguyen, Hao T không có mặt tại phiên tòa, bà Trần Thị Mỹ H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày; ông Nguyen, Hao T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 *(một)* tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- UBND huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trịnh Thị Thu Lan